

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-02-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và bà Lê Thị Hèn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hèn, Thư ký Tòa án.

- **Đại diện VKSND Huyện P tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Đức Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2024, tại trụ sở; Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, Huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1982; (vắng mặt)

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn C, xã T, Huyện P, tỉnh Hưng Yên.

(Anh Nguyễn Đình Th bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2023/QĐST-DS ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Hưng Yên)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/02/2006; (vắng mặt)

- Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/7/2011. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, Huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp của cháu H: Chị Nguyễn Thị Thanh L, là mẹ đẻ của cháu H.

4. **Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Trung Th1, sinh năm 1953; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã M, Huyện P, tỉnh Hưng Yên;

- Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1949; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, Huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Th đăng ký kết hôn ngày 09/9/2005 tại UBND xã M, Hện P theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị và anh Th chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, hạnh phúc, đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế do làm ăn không thuận lợi dẫn đến thua lỗ, vợ chồng phải bán nhà và tài sản để trả nợ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau và xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng sống với nhau không được hoà hợp, không có hạnh phúc. Giữa năm 2021 sau khi vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh Th đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không về, chị đã đi tìm kiếm tin tức của anh Th và đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm tin tức của anh Th trên Đài tiếng nói Việt Nam và trên báo Công lý nhưng cho đến nay vẫn không có tin tức của anh Th. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, mục đích hôn nhân không đạt được, tương lai hạnh phúc không có, để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình Th.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/02/2006 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/7/2011. Hiện nay cháu L và cháu H đang ở với chị từ khi anh Th đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Do bị đơn anh Nguyễn Đình Th bị tuyên bố mất tích theo quyết định số số 04/2023/QĐST-DS ngày 28/11/2023 của Toà án nhân dân Hện P, từ khi Toà án tuyên bố anh Th mất tích cho đến nay vẫn không có tin tức của anh Th ở đâu, do vậy Toà án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Th về vấn đề quan hệ hôn nhân, về con chung và về tài sản chung.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Gia L, cháu Nguyễn Gia H là con chung của chị L, anh Th trình bày:*

Các cháu L và cháu H không biết giữa bố mẹ các cháu mâu thuẫn về vấn đề gì, bố các cháu bỏ đi khỏi nhà đến nay đã gần 03 năm, từ khi bố các cháu bỏ nhà đi cho đến nay cháu L và cháu H đều không biết tin tức của bố các cháu ở đâu và cũng không có lần nào liên lạc về gia đình. Từ khi bố các cháu bỏ nhà đi, hai cháu được mẹ quan tâm chăm sóc chu đáo, cho ăn học đầy đủ. Nay mẹ các cháu có đơn ly hôn bố các cháu, các cháu đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ các cháu. Việc các cháu xin được ở với mẹ các cháu là hoàn toàn tự nguyện.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Thanh D (là bố đẻ chị L) trình bày:

Anh Th và chị L kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, Hện P, tỉnh Hưng Yên theo quy định của pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị L, anh Th bình thường, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân về vấn đề kinh tế, anh Th chị L làm ăn trên Hà Nội

không thuận lợi dẫn đến thua lỗ đã phải bán nhà và tài sản để trả nợ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc và không có trách nhiệm với nhau. Đến năm 2021 vợ chồng anh Th, chị L cHên khẩu về thôn C, xã T, Hện P sinh sống. Khoảng giữa năm 2021, vợ chồng chị L xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh Th đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không về. Chị L cũng đã đi hỏi tin tức và tìm kiếm anh Th nhưng cũng không có kết quả. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Th thì quan điểm của gia đình ông đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết, gia đình ông không có ý kiến gì. Vợ chồng chị L, anh Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia L, sinh năm 2006, cháu Nguyễn Gia H, sinh năm 2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị L. Trường hợp chị L ly hôn anh Th thì đề nghị Toà án giao cả hai cháu cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo ông D cung cấp thông tin trong thời gian chị L và anh Th còn chung sống với nhau, vợ chồng không có tài sản gì chung, không có nợ chung, gia đình ông không có liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ với vợ chồng chị L, anh Th nên gia đình ông không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Ông Nguyễn Trung Th1 (là bố đẻ anh Th) trình bày:

Anh Th và chị L kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, Hện P, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, hai anh chị lên Hà Nội làm ăn nhưng không thuận lợi dẫn đến thua lỗ đã phải bán nhà và tài sản để trả nợ, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, đến năm 2021 vợ chồng anh Th, chị L cHên khẩu về thôn C, xã T, Hện P, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Cuối tháng 6 năm 2021 ông không nhớ chính xác ngày thì con dâu ông là chị L có xuống hỏi gia đình ông về việc anh Th đi đâu. Cũng kể từ đó cho đến nay anh Th không có mặt tại địa phương, không liên lạc gì với gia đình ông, gia đình ông cũng đã đi hỏi tin tức của anh Th nhưng cho đến nay cũng không có tin tức xác thực hiện nay anh Th ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Từ khi Toà án tuyên bố anh Nguyễn Đình Th mất tích cho đến nay gia đình ông cũng không có tin gì của anh Th. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Th thì quan điểm của gia đình ông đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết cho chị L được ly hôn anh Th để giải thoát cho chị L. Vợ chồng chị L, anh Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia L, sinh năm 2006, cháu Nguyễn Gia H, sinh năm 2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị L. Trường hợp chị L ly hôn anh Th thì đề nghị Toà án giao cả hai cháu cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L và anh Th còn chung sống với nhau, vợ chồng không có tài sản gì chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình ông, không có ruộng canh tác chung, gia đình ông không có liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ với vợ chồng chị L, anh Th nên không yêu cầu Toà án giải quyết bất kỳ vấn đề gì về tài sản với vợ chồng chị L, anh Th.

UBND xã T cung cấp thông tin:

Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Đình Th đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, Hện P, tỉnh Hưng Yên. Anh Th vắng mặt tại nơi cư trú đã từ lâu; anh Th, chị L không đăng ký kết hôn và không đăng ký khai sinh cho các con tại UBND xã T; địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, về tài sản chung và về nợ chung nên địa phương không nắm

được vợ chồng anh Th chị L mâu thuẫn về vấn đề gì, vợ chồng có tài sản chung, có nợ chung hay không thì địa phương không nắm được. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Th, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết.

UBND xã M cung cấp thông tin:

Chị L và anh Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 09/9/2005 theo quy định của pháp luật; vợ chồng chị L, anh Th có 02 con chung là các cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/02/2006 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/7/2011. Chị L và anh Th không cư trú tại địa phương, chưa khi nào địa phương nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng cũng như đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, về nợ chung nên địa phương không nắm được vợ chồng chị L mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được. Nay chị L xin ly hôn anh Th thì quan điểm của địa phương đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt, trong đó: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Đình Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Gia L, Nguyễn Gia H và người làm chứng ông Nguyễn Trung Th₁, ông Nguyễn Thanh D vắng mặt và đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND Hện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh L, xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình Th. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu H cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Đối với cháu L tại thời điểm xét xử đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên

không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Hện P nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Đình Th đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại thôn C, xã T, Hện P, tỉnh Hưng Yên. Chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Th, Tòa án nhân dân Hện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu L, cháu H trong quá trình lấy lời khai các cháu đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt các cháu; bị đơn anh Nguyễn Đình Th vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố anh Nguyễn Đình Th mất tích và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Th đã vắng mặt hai lần không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Đình Th đăng ký kết hôn ngày 09/9/2005 tại UBND xã M, Hện P, tỉnh Hưng Yên theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th là hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Th bình thường, đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo như nguyên đơn chị L và những người làm chứng ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Trung Th1 trình bày chủ yếu về vấn đề kinh tế, do vợ chồng làm ăn không thuận lợi dẫn đến thua lỗ phải bán nhà và tài sản để trả nợ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Cuối tháng 6/2021 sau lần vợ chồng cãi nhau, anh Th đã bỏ nhà đi, chị L đã đi tìm kiếm nhiều nơi và đã thông báo tìm kiếm thông tin của anh Th trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cho đến nay vẫn không có tin tức gì của anh Th và cũng từ cuối tháng 6/2021 cho đến nay chị L và anh Th không có cuộc sống chung, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Đến nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, tương lai hạnh phúc không có, để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để chị sớm ổn định cuộc sống. HĐXX xét thấy: Anh Nguyễn Đình Th bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2023/QĐST-DS ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân Hện P. Do vậy, chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Th là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Đình Th có 02 con chung là các cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/02/2006 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/7/2011. Tại đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng chị L có quan điểm, khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, anh Th vắng mặt tại địa phương nên chị L không yêu cầu anh Th cấp

đường nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Từ khi anh Th vắng mặt tại nơi cư trú cho đến nay, cháu L, cháu H là con chung của chị L và anh Th ở với chị L, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, khi ly hôn chị L có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu; cháu L, cháu H cũng trình bày nguyện vọng xin được tiếp tục ở với chị L khi bố mẹ các cháu ly hôn. Mặt khác, hiện nay anh Th vắng mặt tại nơi cư trú nên không thể giao con chung cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, tuy nhiên, tại thời điểm xét xử cháu L đã trên 18 tuổi, ngày 20/02/2024 cháu L có văn bản ghi ý kiến trình bày về việc cháu đã trưởng thành, tự lập được và không yêu cầu chị L, anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với cháu L. Đối với cháu H chưa đủ 18 tuổi, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H khi chị L và anh Th ly hôn, tiếp tục giao cháu H cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là cần thiết và phù hợp với nguyện vọng của chị L cũng như nguyện vọng của cháu H. Anh Th vắng mặt tại nơi cư trú, chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị L nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L xác định giữa chị và anh Nguyễn Đình Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp chung, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đình Th hiện nay vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Th về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa anh Th và chị L nên chưa có căn cứ xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu anh Th trở về địa phương và có đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa anh Th và chị L thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh L, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Đình Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/7/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/02/2006 tại thời điểm xét xử đã trên 18 tuổi, tự lập được nên không đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đình Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L xác định giữa chị và anh Nguyễn Đình Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh Th trở về địa phương, có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh Th với chị L thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/23/0000625, ngày 19/12/2023 của Chi cục Th hành án dân sự Hện P, chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Hện P;
- Chi cục THADS Hện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Quyền